



Multifak[®] Moly EP (Tên cũ Molytex[®] EP)

Mỡ ô tô chịu cực áp

Bảng dữ liệu sản phẩm



Ưu điểm

Bảo vệ bề mặt kim loại

Phụ gia cực áp và chất bôi trơn màng rắn molybdenum disulfide chống mài mòn các chi tiết trong điều kiện tải nặng hay tải va đập. Phụ gia chống rỉ và chống ăn mòn bảo vệ bề mặt kim loại khi hoạt động trong điều kiện ẩm ướt. Ngay cả khi sử dụng một lượng mỡ không đủ, một ít molybdenum disulfide ở tại chỗ cũng giúp bảo vệ bề mặt kim loại.

Thời gian sử dụng mỡ dài

Khả năng ức chế ô xy hóa rất cao đảm bảo kéo dài thời gian sử dụng của mỡ.

Sử dụng dễ dàng

Cấp NLGI 2 có những đặc tính lưu động thích hợp cho các hệ thống sử dụng bơm mỡ.

Phạm vi ứng dụng rộng rãi

Tính năng đa dụng cho phép dùng rộng rãi trong các ứng dụng tải nặng của công nghiệp và ngành ô tô vận tải, đồng thời giảm thiểu các chủng loại mỡ cần thiết để tránh sử dụng sai mỡ.

Ứng dụng

Có thể bao gồm:

- Ô tô
- Thiết bị xây dựng
- Thiết bị làm đất, khai thác đá và hầm mỏ
- Thiết bị nông nghiệp
- Các điểm tra mỡ khung bệ xe
- Trục, bạc lót, bề mặt trượt hay các ngõng trục
- Tất cả các loại ổ đỡ chống ma sát
- Khớp cầu
- Khớp các-đăng (khớp chữ U)
- Các ứng dụng có tải nặng và va đập

Không khuyến nghị sử dụng cho các khớp đồng tốc ở cầu trước ô tô.

Nhiệt độ khả dụng khi hoạt động liên tục: -30 đến 130°C.

Nhiệt độ tối đa mà mỡ chịu được trong thời gian ngắn: 175°C.

Đặc tính sản phẩm:

• **Multifak[®] Moly EP** là mỡ chịu cực áp đa dụng, có màu xám đen, được pha chế chủ yếu để sử dụng cho các thiết bị xây dựng, khai thác mỏ và nông nghiệp khi yêu cầu tăng thêm mức bảo vệ cho thiết bị trong điều kiện có tải va đập.

• **Multifak[®] Moly EP** chứa dầu gốc khoáng tinh lọc cấp ISO 220, chất làm đặc xà phòng li-thi, phụ gia cực áp, phụ gia chống rỉ, chống ô xy hóa và chất bôi trơn màng rắn molybdenum disulfide.



Multifak[®] Moly EP (Tên cũ Molytex[®] EP)

Mỡ ô tô chịu cực áp

Bảng dữ liệu sản phẩm

Thông số kỹ thuật

Multifak [®] Moly EP 2	
CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH	
Cấp NLGI	2
Mã sản phẩm	510840
Điểm nhỏ giọt, °C	195
Molybdenum Disulfide, % kl	3
Độ nhớt,	
mm ² /s ở 40°C	220
mm ² /s ở 100°C	18.2
Độ xuyên kim,	
sau nhào trộn ở 25°C	280
Chất làm đặc (Li-thi), % kl	7.5
Tải Timken, kg	20

1605

Các tiêu chuẩn hiệu năng

- Volvo Corporate standard STD 1277.65, mỡ bôi trơn 97765

Các lưu ý khi sử dụng

Do có molybdenum disulfide nên cho phép tăng thêm mức bảo vệ trong điều kiện có tải va đập rất phổ biến trong các thiết bị xây dựng, thi công cơ giới và nông nghiệp. Trong suốt quá trình chịu tải va đập, lớp màng dầu bôi trơn giữa hai bề mặt kim loại có thể tạm thời bị phá vỡ hay chảy ra ngoài. Khi sử dụng Multifak Moly EP, một lượng molybdenum disulfide ở vị trí bôi trơn giữ vai trò như chất bôi trơn bằng màng rắn giúp bảo vệ các bề mặt kim loại, ngay cả trong điều kiện có tải va đập khắc nghiệt, đồng thời ngăn chặn hai bề mặt kim loại tiếp xúc nhau tránh chi tiết bị phá hỏng. Sự hiện diện của molybdenum disulfide cũng rất cần thiết khi môi trường làm việc bị nhiễm bẩn hay khi không thực hiện đúng các định kỳ thay mỡ.

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web:

www.chevronlubricants.com.

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

Chevron Lubricants

- Châu Á Thái Bình Dương